

PHỤ LỤC VI
MẪU VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ

(Kèm theo Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ)

CÔNG TY TNHH ÔNG THÉP 190

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 13/2026/OT-KKG

V/v kê khai giá hàng hóa, dịch vụ bán
trong nước hoặc xuất khẩu

Hải Phòng, ngày 17 tháng 08 năm 2026

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Số:
ĐẾN
Ngày: 17/8/26
Chuyên:
Số và ký hiệu GS:

Kính gửi: SỞ XÂY DỰNG HẢI PHÒNG

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/07/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Công ty TNHH Ông Thép 190 gửi Bảng kê khai mức giá hàng hoá, dịch vụ bán trong nước hoặc xuất khẩu (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 11/08/2026

Công ty TNHH Ông Thép 190 xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:....

- Họ và tên người nộp văn bản: Nguyễn Đức Chiến

- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Công ty TNHH Ông Thép 190

- Số điện thoại liên lạc: 0936634678

- Email: Ducchien190@gmail.com

- Số fax:.....



THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC

Lê Ngọc Hậu



BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 13/2026/OT-KKG, ngày 17/08/2026)

1. Mức giá kê khai bán trong nước:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế kỹ thuật, quy cách	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này (Đ/ĐVT) - VAT10%	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước (Đồng)	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước (%)	Khách hàng (Hải Phòng)	Vận chuyển	Ghi chú
1	Thép ống đen 13,8 x 1,5 x 9.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ	19,500	20,500	11-08-26	+1000	5.13	CÔNG TY TNHH BÊ TÔNG VÀ XÂY DỰNG MINH ĐỨC	Đường bộ, bán kính 150 km	Số: 01/2026/OT-KKG ngày 29/05/26
2	Thép ống đen 59,9 x 3,0 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ		17,800				CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP GIA PHÚ	Trên phương tiện bên Mua	
3	Thép ống đen 113,5 x 3,0 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ		17,800				CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ THƯƠNG MẠI TỔNG HỢP GIA PHÚ	Trên phương tiện bên Mua	
4	Thép ống đen 108,0 x 3,0 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ		18,000				CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ CHÍNH CÔNG	Trên phương tiện bên Mua	
5	Thép ống đen 57,0 x 3,0 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ		18,000				CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ CHÍNH CÔNG	Trên phương tiện bên Mua	
6	Thép ống đen 60,5 x 3,2 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ		18,000				CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ CHÍNH CÔNG	Trên phương tiện bên Mua	
7	Thép ống đen 113,5 x 2,0 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ	18,000	17,700	11-08-26	"-300	-1.67	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ CHÍNH CÔNG	Trên phương tiện bên Mua	Số: 09/2026/OT-KKG ngày 20/07/26
8	Thép ống đen 113,5 x 2,5 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ		17,400				CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ CHÍNH CÔNG	Trên phương tiện bên Mua	
9	Thép ống đen 59,9 x 1,8 x 11.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ		17,900				CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ CHÍNH CÔNG	Trên phương tiện bên Mua	
10	Thép ống đen 60,0 x 1,8 x 11.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ	18,200	17,900	11-08-26	-300	-1.65	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ CHÍNH CÔNG	Trên phương tiện bên Mua	Số: 09/2026/OT-KKG ngày 20/07/26
11	Thép ống đen 113,5 x 2,0 x 11.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ	18,000	17,700	11-08-26	-300	-1.67	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ CHÍNH CÔNG	Trên phương tiện bên Mua	Số: 09/2026/OT-KKG ngày 20/07/26
12	Thép ống đen 59,9 x 1,8 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ	18,200	17,900	11-08-26	-300	-1.65	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ CHÍNH CÔNG	Trên phương tiện bên Mua	Số: 09/2026/OT-KKG ngày 20/07/26
13	Thép ống đen 59,9 x 2,0 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ	18,000	17,700	11-08-26	-300	-1.67	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI ĐẦU TƯ CHÍNH CÔNG	Trên phương tiện bên Mua	Số: 12/2026/OT-KKG ngày 10/08/26
14	Xả gỗ Z mạ kẽm 150 x 62 x 68 x 18 x 1,8 SS400 - Z80 - Z100	JIS G3350	Kg	Bán lẻ	19,800	19,600	11-08-26	-200	-1.01	CÔNG TY TNHH TM & DV THÉP QUANG THỊNH PHÁT	Đường bộ, bán kính 150 km	Số: 11/2026/OT-KKG ngày 03/08/26
15	Xả gỗ C mạ kẽm 150 x 50 x 20 x 2,0 SS400 - Z80 - Z100	JIS G3350	Kg	Bán lẻ	19,800	19,600	11-08-26	-200	-1.01	CÔNG TY TNHH TM & DV THÉP QUANG THỊNH PHÁT	Đường bộ, bán kính 150 km	Số: 11/2026/OT-KKG ngày 03/08/26

16	Thép ống đen 59,9 x 2,3 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ		17,800				CÔNG TY TNHH TM & DV THÉP QUANG THỊNH PHÁT	Đường bộ, bán kính 150 km	
17	Thép ống đen 113,5 x 2,5 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ	17,100	17,500	11-08-26	+400	2.34	CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ BẮC VIỆT	Trên phương tiện bên Mua	Số: 09/2026/OT-KKG ngày 20/07/26
18	Thép ống đen 113,5 x 3,2 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ	16,600	17,300	11-08-26	+700	4.22	CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ BẮC VIỆT	Trên phương tiện bên Mua	Số: 01/2026/OT-KKG ngày 29/05/26
19	Thép ống đen 59,9 x 2,3 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ	17,100	16,700	11-08-26	-400	-2.34	CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ BẮC VIỆT	Trên phương tiện bên Mua	Số: 12/2026/OT-KKG ngày 10/08/26
20	Thép ống đen 113,5 x 2,8 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ	17,100	16,700	11-08-26	-400	-2.34	CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ BẮC VIỆT	Trên phương tiện bên Mua	Số: 10/2026/OT-KKG ngày 27/07/26
21	Thép ống đen 59,9 x 2,0 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ	17100	16,700	11-08-26	-400	-2.33918	CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ BẮC VIỆT	Trên phương tiện bên Mua	Số: 09/2026/OT-KKG ngày 20/07/26
22	Thép ống đen 59,9 x 2,3 x 10.500 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ		16,700				CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ BẮC VIỆT	Trên phương tiện bên Mua	
23	Thép ống đen 113,5 x 2,8 x 10.500 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ		16,700				CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ BẮC VIỆT	Trên phương tiện bên Mua	
24	Thép ống đen 113,5 x 3,0 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ		18,200				CÔNG TY TNHH MTV LAI VU	Đường bộ, bán kính 150 km	
25	Thép ống đen 113,5 x 3,2 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ		18,200				CÔNG TY TNHH MTV LAI VU	Đường bộ, bán kính 150 km	
26	Thép ống đen 60,0 x 3,0 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ		18,200				CÔNG TY TNHH MTV LAI VU	Đường bộ, bán kính 150 km	
27	Thép ống đen 113,5 x 3,0 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ	17,900	17,800	11-08-26	-100	-0.56	CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TITAN	Trên phương tiện bên Mua	Số: 01/2026/OT-KKG ngày 29/05/26
28	Thép ống đen 113,5 x 2,8 x 6.000 mm	ASTM A53 hoặc JIS G3452	Kg	Bán lẻ		17,600				CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ TITAN	Trên phương tiện bên Mua	

2. Mức giá kê khai bán xuất khẩu:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đặc điểm kinh tế kỹ thuật, quy cách	Thị trường xuất khẩu	Đơn vị tính	Giá kê khai kỳ liên kế trước (kèm số văn bản kê khai)	Giá kê khai kỳ này (USD/Kg)	Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Tỷ lệ tăng/giảm so với kỳ liên kế trước	Địa điểm giao hàng	Ghi chú

3. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá bán giữa lần kê khai giá kỳ này so với kỳ liên kế trước: nêu cụ thể nguyên nhân do biến động của các yếu tố hình thành giá và các nguyên nhân khác tác động làm tăng hoặc giảm giá hàng hóa, dịch vụ.

4. Ghi rõ mức thuế giá trị gia tăng đã bao gồm trong giá.



CÔNG TY TNHH ÔNG THÉP 190

ÔNG THÉP 190

GIÁM ĐỐC

Lê Ngọc Hậu

